



DANH MỤC CHỈ TIÊU XÉT NGHIỆM ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED MEDICAL TESTS

(Kèm theo quyết định số/ Attachment with decision: /QĐ - VPCNCLQG
ngày tháng 08 năm 2026 của Giám đốc Văn phòng Công nhận Chất lượng quốc gia
/of BoA Director)

Tên phòng xét nghiệm: Cơ sở xét nghiệm thuộc địa điểm kinh doanh số 1, Công ty TNHH ONELAB
- Cơ sở xét nghiệm

Medical Laboratory: *Laboratory Facility under Business Location No 1 of Onelab Company
Limited - Laboratory Facility*

Cơ quan chủ quản: Công ty TNHH ONELAB

Organization: *Onelab Company Limited*

Lĩnh vực xét nghiệm: Hoá sinh, Huyết học, Vi sinh

Field of medical testing: *Biochemistry, Hematology, Microbiology*

Người phụ trách/
Representative: Lê Trung Hiếu
Le Trung Hieu

Chuẩn mực công nhận/
Accreditation criteria: ISO 15189:2022

Số hiệu/ Code: VILAS Med 219

Hiệu lực/ Validation: Từ ngày /08/2026 đến ngày 10/04/2030

Địa chỉ/ Address: 515+511+509+495/10 đường Tô Hiến Thành, Phường Diên Hồng, TP Hồ Chí Minh
/No. 515+511+509+495/10 To Hien Thanh Street, Dien Hong Ward, Ho Chi Minh City

Địa điểm/Location: 515+511+509+495/10 đường Tô Hiến Thành, Phường Diên Hồng, TP Hồ Chí Minh
/No. 515+511+509+495/10 To Hien Thanh Street, Dien Hong Ward, Ho Chi Minh City

Điện thoại/Tel: 1900 255 599

Email: info@onelab.vn

Website: www.onelab.vn

DANH MỤC CHỈ TIÊU XÉT NGHIỆM ĐƯỢC CÔNG NHẬN
LIST OF ACCREDITED MEDICAL TESTS
VILAS Med 219

Lĩnh vực xét nghiệm: **Hóa sinh**
Discipline of medical testing: **Biochemistry**

STT No.	Loại mẫu (chất chống đông- nếu có) <i>Type of sample (anticoagulant-if any)</i>	Tên các chỉ tiêu xét nghiệm (The name of medical tests)	Nguyên lý/ Kỹ thuật xét nghiệm <i>Principle/ Technical test</i>	Phương pháp xét nghiệm (Test method)
1.	Huyết thanh <i>Serum</i>	Định lượng Glucose <i>Determination of Glucose</i>	Hexokinase <i>Hexokinase</i>	LAB.KTSH.001- V1.0 (2024) (Cobas Pure C303)
2.		Đo hoạt độ AST (Aspartate transaminase) <i>Determination of AST (Aspartate transaminase)</i>	Tris buffer with pyridoxal - 5 – phosphate <i>Tris buffer with pyridoxal - 5 - phosphate</i>	LAB.KTSH.002- V1.0 (2024) (Cobas Pure C303)
3.		Đo hoạt độ ALT (Alanine transaminase) <i>Determination of ALT (Alanine transaminase)</i>	Tris buffer with pyridoxal - 5 – phosphate <i>Tris buffer with pyridoxal - 5 - phosphate</i>	LAB.KTSH.003- V1.0 (2024) (Cobas Pure C303)
4.		Xác định lượng Ure <i>Determination of Urea</i>	Urease, kinetic <i>Urease, kinetics</i>	LAB.KTSH.004- V1.0 (2024) (Cobas Pure C303)
5.		Xác định lượng Triglycerides <i>Determination of Triglycerides</i>	Lipase/GPO-PAP no correction <i>Lipase/GPO-PAP no correction</i>	LAB.KTSH.005- V1.0 (2024) (Cobas Pure C303)
6.		Xác định lượng Cholesterol <i>Determination of Cholesterol</i>	Oxidase <i>Oxidase</i>	LAB.KTSH.006- V1.0 (2024) (Cobas Pure C303)
7.		Xác định lượng FT3 (Free triiodothyronine) <i>Determination of FT3 (Free triiodothyronine)</i>	Miễn dịch điện hóa phát quang (ECLIA) <i>Electrochemiluminesc ence immunoassay (ECLIA)</i>	LAB.KTMD.001- V1.0 (2024) (Cobas Pure E402)
8.		Xác định lượng FT4 (Free thyroxine) <i>Determination of FT4 (Free thyroxine)</i>	Miễn dịch điện hóa phát quang (ECLIA) <i>Electrochemiluminesc ence immunoassay (ECLIA)</i>	LAB.KTMD.002- V1.0 (2024) (Cobas Pure E402)
9.		Xác định lượng TSH (Thyroid Stimulating Hormone) <i>Determination of TSH (Thyroid Stimulating Hormone)</i>	Miễn dịch điện hóa phát quang (ECLIA) <i>Electrochemiluminesc ence immunoassay (ECLIA)</i>	LAB.KTMD.003- V1.0 (2024) (Cobas Pure E402)

DANH MỤC CHỈ TIÊU XÉT NGHIỆM ĐƯỢC CÔNG NHẬN
LIST OF ACCREDITED MEDICAL TESTS
VILAS Med 219

Lĩnh vực xét nghiệm: **Huyết học**
Discipline of medical testing: **Hematology**

TT	Loại mẫu (chất chống đông- nếu có) <i>Type of sample (anticoagulant-if any)</i>	Tên các chỉ tiêu xét nghiệm <i>The name of medical tests</i>	Nguyên lý/ Kỹ thuật xét nghiệm <i>Principle/ Technical test</i>	Phương pháp xét nghiệm <i>Test method</i>
1.	Máu toàn phần (EDTA) <i>Whole blood (EDTA)</i>	Đếm số lượng Bạch cầu (WBC) <i>White Blood Cell count (WBC)</i>	Đo laser <i>Laser measurement</i>	LAB.KTHH.001- V1.0 (2024) (Advia 2120i)
2.		Đếm số lượng Hồng cầu (RBC) <i>Red Blood Cell count (RBC)</i>	Đo laser <i>Laser measurement</i>	LAB.KTHH.002- V1.0 (2024) (Advia 2120i)
3.		Xác định lượng Huyết sắc tố (HGB) <i>Determination of Hemoglobin</i>	Đo quang <i>Optical measurement</i>	LAB.KTHH.003- V1.0 (2024) (Advia 2120i)
4.		Đếm số lượng Tiểu cầu (PLT) <i>Platelet count (PLT)</i>	Đo laser <i>Laser measurement</i>	LAB.KTHH.004- V1.0 (2024) (Advia 2120i)
5.		Xác định thể tích trung bình Hồng cầu (MCV) <i>Determination of Mean Corpuscular Volume (MCV)</i>	Đo laser <i>Laser measurement</i>	LAB.KTHH.005- V1.0 (2024) (Advia 2120i)
6.	Huyết tương (Citrat) <i>Plasma (Citrat)</i>	Thời gian Prothrombin <i>Determination of Prothrombin time</i>	Đo độ nhớt bằng đầu dò điện từ <i>Viscosity measurement by electromagnetic probe</i>	LAB.KTHH.006- V1.0 (2024) (Sta Compact Max)
7.		Xác định thời gian Thromboplastin hoạt hóa từng phần <i>Determination of Activated Partial Thromboplastin Time</i>	Đo độ nhớt bằng đầu dò điện từ <i>Viscosity measurement by electromagnetic probe</i>	LAB.KTHH.007- V1.0 (2024) (Sta Compact Max)

DANH MỤC CHỈ TIÊU XÉT NGHIỆM ĐƯỢC CÔNG NHẬN*LIST OF ACCREDITED MEDICAL TESTS***VILAS Med 219****Lĩnh vực xét nghiệm: Vi sinh***Discipline of medical testing: Microbiology*

STT No.	Loại mẫu (chất chống đông- nếu có) <i>Type of sample (anticoagulant-if any)</i>	Tên các chỉ tiêu xét nghiệm <i>(The name of medical tests)</i>	Nguyên lý/ Kỹ thuật xét nghiệm <i>(Principle/ Technical test)</i>	Phương pháp xét nghiệm <i>(Test method)</i>
1.	Huyết tương (Heparin) Plasma (Heparin) Huyết thanh Serum	HbsAg miễn dịch tự động <i>Detecting HBsAg using an automated system</i>	Miễn dịch hoá phát quang <i>Electrochemiluminescent Immunoassay</i>	(a) XN-QTKT-MD-90 (2026) Cobas e402

Ghi chú/ Note:

- XN-QTKT...: Phương pháp do PXN xây dựng/ *Laboratory developed method*
- (a) chỉ tiêu mở rộng/ *(a) test extended*
- Trường hợp Cơ sở xét nghiệm thuộc địa điểm kinh doanh số 1, Công ty TNHH ONELAB - Cơ sở xét nghiệm cung cấp dịch vụ xét nghiệm phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for the Laboratory Facility under Business Location No 1 of Onelab Company Limited - Laboratory Facility that provides the medical testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service.*

